

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải
rắn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 11 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài
nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp
tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân
các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ TN&MT;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB - TH tỉnh;
- Lưu: VT, GTCNXD, NNTNMT, NCPC (Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý chất thải rắn, gồm:

a) Quy định chi tiết các nội dung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 72, khoản 2 và khoản 6 Điều 75, khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, chất thải nhựa, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 8 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường.

c) Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan trong việc quản lý chất thải rắn.

2. Quy định này không quy định về quản lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải y tế và các loại chất thải rắn khác (trừ chất thải rắn sinh hoạt nguy hại).

Nội dung quy định về các loại chất thải này thực hiện theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và các quy định khác liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân (bao gồm cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, người nước ngoài đang cư trú trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn); các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (Ủy ban nhân dân cấp xã) có hoạt động liên quan đến chất thải rắn phải chấp hành Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc về quản lý chất thải rắn

1. Coi chất thải là tài nguyên; thúc đẩy phân loại chất thải rắn tại nguồn, tăng cường quản lý chất thải rắn, thực hiện đồng thời các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn.

2. Việc quản lý chất thải rắn nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người; mọi hoạt động quản lý chất thải rắn phải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm thực hiện các quy định về sinh môi trường, giữ gìn vệ sinh khu vực làm việc, nơi công cộng, nơi cư trú; thực hiện giảm thiểu các loại chất thải phát sinh; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn nhằm mục đích tăng cường tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng; đổ chất thải đúng thời gian, đúng nơi quy định.

4. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; áp dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn thân thiện với môi trường; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chất thải rắn.

5. Ngoài thực hiện tại Quy định này, việc quản lý chất thải rắn phải tuân theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các luật khác có liên quan.

Chương II QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 4. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân thực hiện phân loại tại nguồn thành 03 nhóm chính sau:

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Giấy thải; nhựa thải; kim loại thải; thủy tinh thải; vải, đồ da; đồ gỗ; cao su; thiết bị điện, điện tử thải bỏ.

b) Chất thải thực phẩm: Thức ăn thừa, thực phẩm hết hạn sử dụng; các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn,...; các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm; thủy, hải sản.

c) Chất thải rắn sinh hoạt khác, gồm:

Chất thải công kênh: Tủ, bàn ghế, giường, nệm cũ hỏng ...; tủ sắt, khung cửa, cánh cửa,...; cành cây, gốc cây....

Chất thải nguy hại: Bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit thải, dung môi thải, kiềm thải, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại, bình gas mini,... từ hoạt động sinh hoạt; sơn, mực, chất kết dính (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất); găng tay, giẻ lau dính dầu, hóa chất; kim tiêm, khâu trang, bông băng bị nhiễm khuẩn từ người bệnh; các loại bóng đèn huỳnh quang thải; thủy tinh hoạt tính thải; nhiệt kế chứa thủy ngân thải (không đập vỡ); các loại pin, ắc quy thải.

Chất thải khác.

2. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện phân loại, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt theo cách sau:

a) Phân loại chất thải rắn sinh hoạt có thể tái chế thành nhiều loại tùy theo nhu cầu và mục đích tái chế, tái sử dụng. Đồ hết chất lỏng hoặc thực phẩm có trong bao bì, hộp, chai lọ... trước khi phân loại đưa vào chất thải tái chế, tái sử dụng. Hạn chế, tiến tới không sử dụng bao bì (túi) nylon khó phân hủy để chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại, sử dụng túi thân thiện môi trường để thay thế túi nylon khó phân hủy.

b) Đối với những loại chất thải có điểm thu hồi theo quy định của nhà sản xuất, được thu gom, lưu giữ riêng và vận chuyển đến điểm thu hồi của nhà sản xuất.

c) Tái sử dụng, tái chế chất thải thành các vật dụng hữu ích trong gia đình.

d) Phân loại riêng chất thải nguy hại từ chất thải rắn sinh hoạt khác; lưu chứa chất thải nguy hại trong thiết bị riêng có nắp đậy và chuyển giao đến điểm tập kết chất thải nguy hại chung của xã, phường, thị trấn (nếu có) hoặc chuyển giao theo quy định của địa phương.

3. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có phát sinh chất thải rắn công kênh có trách nhiệm tháo rời và giảm kích thước chất thải bỏ đến mức có thể lưu chứa được trong xe thu gom trước khi vận chuyển đến nơi tiếp nhận (điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc điểm tiếp nhận, xử lý chất thải rắn công kênh).

4. Quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại khoản 1 Điều này thực hiện theo khoản 7 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 5. Lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại

1. Hộ gia đình, cá nhân ở đô thị

Chất thải rắn sinh hoạt sau khi được phân loại theo quy định phải được chứa, đựng trong bao bì (túi) phù hợp theo điều kiện mỗi hộ gia đình, cá nhân. Bao bì (túi) phải được buộc kín, thiết bị lưu giữ (thùng) phải có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi trong thời gian chưa được thu gom, vận chuyển đi xử lý. Khuyến khích sử dụng túi nilon phân hủy sinh học, bao bì thân thiện môi trường để thay thế túi nilon khó phân hủy để chứa chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại.

2. Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn sau khi chất thải rắn sinh hoạt được phân loại theo quy định thực hiện quản lý như sau:

a) Tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi. Trường hợp chất thải thực phẩm không tận dụng hết phải được lưu chứa riêng, đảm bảo không phát tán mùi, nước rỉ rác ra môi trường trước khi chuyển giao cho cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

b) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được lưu chứa riêng trước khi chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

c) Chất thải rắn sinh hoạt khác được chứa, đựng riêng trong bao bì (túi) hoặc thiết bị (thùng) lưu chứa.

d) Khuyến khích lưu chứa riêng chất thải rắn sinh hoạt nguy hại trong bao bì (túi) hoặc thiết bị (thùng) lưu chứa theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

đ) Các bao bì (túi) hoặc thiết bị (thùng) chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại trước khi chuyển giao cho cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển phải được đặt ở các vị trí thích hợp, thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển, đảm bảo không rơi vãi, không rò rỉ nước rỉ rác và không phát tán mùi hôi ra môi trường.

3. Chủ đầu tư dự án thực hiện xây dựng khu dân cư tập trung phải bố trí trong khuôn viên khu vực lưu chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại (bao gồm cả chất thải rắn sinh hoạt nguy hại) đảm bảo thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân sinh hoạt tại các khu trên.

4. Về lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực công cộng

a) Tại khu vui chơi, kinh doanh, dịch vụ tập trung, chợ, bến xe và những nơi phục vụ chung cho nhu cầu của nhiều người phải bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có dán nhãn trên nắp thùng, trên thân thùng bằng chữ in cho 03 nhóm: Chất thải có thể tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm và chất thải sinh hoạt khác. Khuyến khích bổ sung các chữ nhỏ hoặc hình ảnh minh họa liệt kê cơ bản các loại chất thải rắn sinh hoạt bên dưới các chữ chất thải có thể tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm và chất thải sinh hoạt khác để thuận tiện cho việc người dân phân loại vào các thùng rác.

b) Các thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phải có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu giữ, đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và trật tự giao thông.

c) Địa điểm, vị trí, khu vực bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại tại khu vực công cộng do Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định, đảm bảo thuận tiện cho công tác thu gom, lưu giữ.

Điều 6. Điểm tập kết, trạm trung chuyển, phương thức chuyển giao, tần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt

1. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (yêu cầu kỹ thuật đối với điểm tập kết); khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (yêu cầu kỹ thuật đối với trạm trung chuyển).

b) Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt nguy hại (có vỏ cứng với kích cỡ lớn như bồn, bể, công ten nơ hoặc thiết bị tương tự khác) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; đảm bảo lưu chứa an toàn chất thải, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ; kết cấu cứng chịu được va chạm, không hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng; có dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

c) Có thể tiếp nhận và xử lý sơ bộ (tháo dỡ, giảm thể tích...) các loại chất thải rắn sinh hoạt công kênh nhằm tăng cường tái sử dụng và tái chế các loại chất thải rắn sinh hoạt công kênh đã tiếp nhận; các thành phần không thể tái sử dụng, tái chế được vận chuyển đến các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt để xử lý.

d) Chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị mới, khu dân cư tập trung phải bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phù hợp trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành để thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt tại khu đô thị mới, khu dân cư.

2. Việc chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; khoản 1, 2, 3 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các yêu cầu sau:

a) Tại khu vực đô thị, đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến thu gom tại trụ sở, nhà của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Tại khu vực nông thôn, thời gian chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển hoặc đưa chất thải đến thùng lưu giữ tạm thời do Ủy ban nhân dân xã xác định sau khi thống nhất với cộng đồng dân cư, đại diện khu dân cư và cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

b) Khu vực dễ xảy ra bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt trước nhà phải gọn gàng, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, mỹ quan, không ảnh hưởng đến giao thông khu vực.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xác định vị trí, thời gian tập kết cho từng khu, cụm dân cư; bố trí các điểm tập kết, trạm trung chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này với quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt phù hợp, bảo đảm an toàn giao thông, hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí ít nhất một điểm tập kết, trạm trung chuyển để tiếp nhận và phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt công kênh phát sinh trên địa bàn.

4. Trường hợp cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải không có điều kiện chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo đúng thời gian quy định hoặc tại khu vực mà phương tiện thu gom của đơn vị thu gom không thể tiếp cận thì Ủy ban nhân dân cấp xã xác định vị trí đặt thùng lưu chứa có dung tích phù hợp thu gom tập trung, vận chuyển chất thải của các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải này đến khu xử lý chất thải.

5. Tần suất thu gom

a) Đối với khu vực đô thị, trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tần suất thu gom tối thiểu là 01 (một) lần/ngày.

b) Đối với khu vực nông thôn, tùy vào đặc điểm dân cư từng khu vực, điều kiện cung ứng dịch vụ thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã chủ trì, phối hợp với cộng đồng dân cư, đại diện khu dân cư và đơn vị cung ứng dịch vụ xác định tần suất thu gom cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 7. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Đơn vị thu gom, vận chuyển có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, phương tiện phù hợp tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại; hạn chế vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trong giờ cao điểm (trừ trường hợp đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc chính quyền địa phương); không tập kết xe gom, xe vận chuyển tại các địa điểm dễ gây ùn tắc giao thông.

3. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Điều 8. Chuyển giao, vận chuyển, điểm tập kết chất thải rắn công kênh

1. Chủ nguồn thải có thể tự vận chuyển hoặc tự thỏa thuận với chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để yêu cầu dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh đến nơi tiếp nhận. Nơi tiếp nhận là điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc điểm tiếp nhận chất thải rắn công kênh do Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định và công bố.

2. Chất thải rắn công kênh được vận chuyển, xử lý như chất thải rắn sinh hoạt. Công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh từ điểm tiếp nhận chất thải rắn công kênh đến cơ sở xử lý chất thải do chủ đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định.

Điều 9. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hoặc chất cải tạo đất trồng trọt, làm thức ăn chăn nuôi.

2. Khuyến khích cơ quan, đơn vị, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng dưới 300kg/ngày sử dụng chất thải thực phẩm để làm phân bón hoặc chất cải tạo đất trồng trọt cho cây xanh trong khuôn viên của cơ quan, đơn vị, đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định khác liên quan. Công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được lựa chọn theo các tiêu chí tại Điều 28 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Việc lựa chọn chủ đầu tư, chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo Điều 59 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Khuyến khích việc lựa chọn đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung quy mô cấp huyện, cụm huyện; áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại trong nước và thế giới, ưu tiên lựa chọn công nghệ xử lý có thu hồi năng lượng và thành phần có ích trong chất thải rắn sinh hoạt nhằm giảm tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp, đáp ứng mục tiêu về quản lý tổng hợp chất thải rắn do Chính phủ quy định.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho đơn vị chuyên môn hoặc đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thực hiện hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép để tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nguy hại tại các điểm lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt nguy hại trên địa bàn, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

Chương III

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG, Bùn THẢI BỂ PHỐT, HẦM CẦU, Bùn THẢI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, CHẤT THẢI NHỰA

Điều 10. Phân loại chất thải rắn xây dựng

1. Chất thải rắn xây dựng phải được phân loại tại nơi phát sinh thành các loại:

a) Chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định; đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng được tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng theo quy định.

b) Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào móng cọc được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp.

c) Chất thải không tái chế, tái sử dụng được, phải vận chuyển đến khu xử lý.

d) Bùn thải phát sinh từ bể phốt, hầm cầu phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2. Việc phân loại, lưu trữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng nguy hại được thực hiện theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; chất thải rắn xây dựng lẫn với chất thải nguy hại khác thì phải thực hiện việc phân tách phần chất thải nguy hại, nếu không tách được thì toàn bộ chất thải lẫn đó phải được quản lý như chất thải nguy hại.

3. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn; bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

Điều 11. Thu gom, lưu trữ, vận chuyển chất thải rắn xây dựng

1. Hộ gia đình, cá nhân tại đô thị khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải có biện pháp thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng.

2. Khi tiến hành xây dựng công trình, chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng có trách nhiệm: Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn xây dựng phát sinh trên công trường xây dựng, đảm bảo chất thải rắn xây dựng sau khi phân loại không để lẫn với các chất thải khác; địa điểm lưu giữ chất thải rắn xây dựng phải bố trí ở nơi tránh bị ngập nước, có mái che hoặc phủ bạt tránh phát tán bụi và các chất ô nhiễm khác, đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh khu vực lưu giữ. Thực hiện ký hợp đồng với chủ thu gom, vận chuyển và chủ xử lý chất thải rắn xây dựng để vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng hoặc tự xử lý chất thải rắn xây dựng tại nơi phát sinh, tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất thải. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Chất thải rắn xây dựng phải được vận chuyển bằng các phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và an toàn, đã được kiểm định, được các cơ quan chức năng cấp phép lưu hành theo quy định.

4. Trong quá trình vận chuyển, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi ra môi trường.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cùng đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng xác định, bố trí ít nhất 01 (một) điểm tập kết trên địa bàn tiếp nhận để lưu giữ chất thải rắn xây dựng phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân; thông báo số điện thoại liên hệ của đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng để các hộ gia đình, cá nhân biết, chủ động liên hệ, chuyển giao khi phát sinh chất thải rắn xây dựng.

6. Hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn chưa có hệ thống thu gom chất thải khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng thì phải thực hiện việc tái sử dụng hoặc đổ thải theo quy định, không đổ chất thải ra đường giao thông, sông, suối và các nguồn nước mặt.

Điều 12. Tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải rắn xây dựng

1. Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế, tái sử dụng được thu gom, vận chuyển đến các cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng để tái chế, tái sử dụng. Các loại chất thải rắn xây dựng được tái chế, tái sử dụng, tùy theo tính chất và đặc điểm (thành phần), được tái sử dụng, tái chế theo mục đích sử dụng phù hợp như: Bùn đất hữu cơ dùng để trồng cây; gạch vụn, bê tông, tấm tường, gạch lát dùng để san nền.

2. Chất thải rắn xây dựng không tái chế, tái sử dụng được thì chuyển giao cho đơn vị có chức năng để chôn lấp, xử lý tại các địa điểm đảm bảo các điều kiện về an toàn môi trường, bao gồm:

a) Tại các khu xử lý chất thải rắn được phép tiếp nhận, xử lý chất thải rắn xây dựng.

b) Phân khu chức năng xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt quy hoạch, bố trí khu vực xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng.

Điều 13. Quản lý chất thải nhựa

Việc quản lý chất thải nhựa thực hiện theo khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 73 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định sau:

1. Quản lý chất thải nhựa tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, hộ gia đình

a) Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân giảm thiểu chất thải nhựa. Hạn chế sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa sử dụng một lần. Không thải bỏ chất thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao, hồ, sông, suối.

b) Các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng, chợ dân sinh, khách sạn, nhà hàng, quán nước, quán cafe, quán ăn vỉa hè, cơ sở kinh doanh du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ khác hạn chế cấp phát miễn phí túi ni lông khó phân hủy cho khách hàng, thay thế dần túi ni lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần bằng túi ni lông dễ phân hủy hoặc các sản phẩm thân thiện với môi trường, tiến tới chấm dứt việc sử dụng túi ni lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần (trừ các sản phẩm, hàng hóa đóng gói sẵn bằng bao bì nhựa khó phân hủy của nhà sản xuất); sau năm 2025 thực hiện theo khoản 4 Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Quản lý chất thải nhựa trong cơ quan, văn phòng, công sở

a) Các cơ quan, văn phòng, công sở không sử dụng băng rôn, khẩu hiệu, chai, cốc, ống hút, bát, đĩa nhựa dùng một lần tại cơ quan, công sở và trong các hội nghị, hội thảo cuộc họp và ngày lễ, lễ kỷ niệm và các sự kiện khác; ưu tiên lựa chọn các sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường.

b) Sử dụng túi giấy, cặp giấy để đựng tài liệu hội họp thay thế cho túi, cặp nhựa dùng một lần.

c) Hạn chế sử dụng băng rôn, áp phích, maket, khẩu hiệu làm bằng chất liệu nhựa tại cơ quan, công sở, trừ trường hợp thực sự cần thiết.

d) Bố trí đủ các thiết bị đựng chất thải có khả năng tái chế (bao gồm chất thải rắn sinh hoạt) phân biệt riêng với các thiết bị lưu chứa chất thải rắn khác; thiết bị phải được dán nhãn, ký hiệu riêng, để ở vị trí phù hợp để thuận tiện cho việc thu gom, phân loại.

đ) Truyền thông, tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị về phân loại, thu gom, giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt.

3. Quản lý chất thải nhựa trong trường học

a) Các trường học ở tất cả các cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông và các trường nghề phải xây dựng nội quy quản lý chất thải rắn sinh hoạt trong trường học lồng ghép vào quy chế quản lý và vệ sinh môi trường; tuyên truyền đến từng giáo viên, học sinh, sinh viên và viên chức, nhân viên, người lao động làm việc trong trường học thực hiện nghiêm túc; khi thải bỏ dụng cụ học tập, giảng dạy bằng nhựa phải để đúng nơi quy định, phân loại riêng với chất thải khác; hạn chế sử dụng nước uống đóng chai nhựa trong các cuộc họp phụ huynh hoặc các chương trình hội họp, lễ hội khác.

b) Hạn chế tối đa các hoạt động phát thải chất thải nhựa trong các chương trình, lễ hội, sự kiện tổ chức.

4. Quản lý chất thải nhựa trong các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch

a) Hạn chế việc sử dụng băng rôn, khẩu hiệu, pa nô, áp phích làm bằng nhựa, thả bóng bay trong các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch trên địa bàn tỉnh, trừ trường hợp thực sự cần thiết.

b) Kết thúc các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch, các cơ quan chủ trì sự kiện phải có trách nhiệm tổ chức thu gom chất thải phát sinh từ hoạt động tổ chức sự kiện, phân loại những sản phẩm còn có khả năng tái sử dụng cho sự kiện khác; các chất thải còn lại phải được thu gom, phân loại riêng chất thải tái chế (bao gồm cả chất thải rắn sinh hoạt) với chất thải khác và chuyển giao chất thải tái chế cho cơ sở có chức năng tái chế chất thải.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm và quyền của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải

1. Trách nhiệm

a) Thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng thời gian quy định.

b) Thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

c) Giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt đúng nơi quy định; không vứt, thải, đổ, bỏ chất thải rắn sinh hoạt ra môi trường không đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động.

d) Tại những nơi công cộng có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện phân loại, lưu giữ vào thùng chứa công cộng hoặc những nơi do cơ quan chức năng quy định.

đ) Giữ gìn vệ sinh môi trường trong khu đất thuộc quyền sử dụng của mình, vỉa hè trước và xung quanh khu vực.

e) Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong công tác điều tra, khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

g) Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; các vi phạm đối với Quy định này đến các cơ quan có thẩm quyền có liên quan theo quy định pháp luật.

2. Quyền

a) Được Nhà nước, các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đúng địa điểm, thời gian quy định khi đã thanh toán đầy đủ chi phí dịch vụ theo quy định.

b) Được khen thưởng, tuyên dương khi tham gia thực hiện tốt phong trào, chương trình hoặc góp ý nhằm góp phần bảo vệ môi trường.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn

1. Trách nhiệm

a) Đảm bảo thực hiện đầy đủ các điều kiện tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo khoản 3, 4 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, khoản 4, 5 Điều 58 và Điều 61 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Điều 27 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và các quy định khác liên quan.

b) Đáp ứng về nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển riêng các nhóm chất thải rắn sau phân loại đến các điểm tập kết, trạm trung chuyển hoặc đến cơ sở xử lý theo quy định.

c) Quản lý, giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn được giao; theo dõi, kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý chất thải rắn, kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

d) Hợp đồng với chủ cơ sở xử lý chất thải rắn có đủ năng lực theo quy định và đáp ứng các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện thống kê danh sách thông tin người thu gom, số lượng, loại phương tiện thu gom, địa bàn thu gom theo yêu cầu; lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo quy định.

e) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra, giám sát, cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

g) Phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị quản lý chuyên ngành tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai và giám sát hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải về phân loại chất thải rắn tại nguồn; về trách nhiệm quản lý chất thải rắn và nghĩa vụ nộp tiền giá dịch vụ.

h) Đơn vị thực hiện thu gom có trách nhiệm thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã biết để xử lý theo quy định đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải không chấp hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, chuyển giao không đúng nhóm chất thải theo quy định, sau khi đã được nhắc nhở nhiều lần (03 lần trở lên/01 tuần).

i) Chịu trách nhiệm về tình trạng rơi vãi chất thải rắn, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rỉ rác ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển.

k) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định.

2. Quyền hạn

a) Được quyền từ chối tiếp nhận chất thải và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan quản lý chuyên ngành biết trong trường hợp các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải không chuyển giao chất thải rắn đúng thời gian, phương thức quy định.

b) Được thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển chất thải rắn theo quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển.

c) Được quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật và các định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành có liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải rắn.

d) Thực hiện các quyền khác theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền lợi của cơ sở xử lý chất thải rắn

1. Trách nhiệm

a) Đảm bảo, thực hiện đầy đủ điều kiện tham gia hoạt động xử lý chất thải rắn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định khác liên quan.

b) Bố trí các khu vực tiếp nhận, xử lý riêng các nhóm chất thải rắn sau phân loại. Vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường, bảo đảm khối lượng, chất lượng trong quá trình cung cấp dịch vụ theo hợp đồng ký kết.

c) Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định đối với chất thải nguy hại được phân loại từ chất thải rắn hoặc phát sinh từ cơ sở xử lý chất thải rắn.

d) Khi phát hiện sự cố môi trường phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho người và tài sản; kịp thời thông báo cho chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường, chính quyền địa phương và cơ quan liên quan nơi xảy ra ô nhiễm hoặc sự cố môi trường để phối hợp xử lý.

đ) Lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý, xử lý chất thải rắn theo quy định.

e) Đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ cho người lao động tham gia xử lý chất thải rắn; tổ chức khám bệnh định kỳ, đảm bảo các chế độ cho người lao động tham gia xử lý chất thải rắn theo quy định.

g) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định.

2. Quyền lợi

- a) Được thanh toán giá dịch vụ xử lý chất thải rắn theo quy định.
- b) Kiểm tra các chất thải chuyển giao đến cơ sở xử lý chất thải và từ chối tiếp nhận các loại chất thải rắn không đúng loại được phép xử lý.
- c) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật và các định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành có liên quan đến hoạt động xử lý chất thải rắn.
- d) Thực hiện các quyền khác theo quy định.

3. Ngoài các quy định trên, đơn vị được giao quản lý, vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm

- a) Chỉ được tiếp nhận và xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định từ các đơn vị thu gom, vận chuyển đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận (trừ trường hợp đơn vị được giao quản lý, vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đồng thời là đơn vị thu gom, vận chuyển).
- b) Quản lý, vận hành bãi chôn lấp theo đúng quy trình công nghệ đã được chấp thuận, đảm bảo hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường.
- c) Xây dựng kế hoạch, chương trình và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định.
- d) Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, các biện pháp phòng ngừa, xử lý ô nhiễm môi trường theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm các sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung tại Quy định này.
- b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện; các chủ cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, thực hiện công tác vệ sinh môi trường theo quy định.
- c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện để cải tạo, phục hồi môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và quy trình đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động.
- d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quản lý chất thải rắn theo quy định.

đ) Tham mưu thực hiện hoặc phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy định.

e) Chịu trách nhiệm chủ trì, theo dõi, tổng hợp về chỉ tiêu thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Sở Xây dựng

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất thải rắn xây dựng; phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ hầm cầu, bể phốt, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện khi triển khai đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Tổ chức thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng cho các cơ sở xử lý chất thải rắn và các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn theo quy định.

d) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về xây dựng trong hoạt động xây dựng các điểm tập kết, trạm trung chuyển, cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

đ) Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng chất thải rắn xây dựng làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và sử dụng trong các công trình xây dựng; hướng dẫn việc quản lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh.

e) Chủ trì, theo dõi, tổng hợp về chỉ tiêu thu gom, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ hầm cầu, bể phốt, bùn thải từ hệ thống thoát nước, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, quản lý đấu thầu trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Chủ trì tổng hợp các dự án đầu tư trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn vào danh mục kêu gọi đầu tư chung của tỉnh trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị liên quan.

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư được bố trí nguồn vốn đầu tư công thuộc lĩnh vực quản lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật đầu tư công và các quy định khác có liên quan.

d) Giải quyết hoặc chủ trì tham mưu giải quyết thủ tục đầu tư đối với việc đầu tư mới, việc điều chỉnh dự án đầu tư (nâng quy mô, công suất) đối với các cơ sở sản xuất sản phẩm nhựa dùng một lần, bao bì nhựa, túi ni lông khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa theo lộ trình tại Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và theo quy định pháp luật về đầu tư.

4. Sở Tài chính

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

b) Hướng dẫn Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí phân loại, dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

5. Sở Giao thông vận tải

Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng trong việc kiểm tra các phương tiện vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn tỉnh; phối hợp, kiểm tra, xử lý các trường hợp tập kết chất thải lấn chiếm hành lang an toàn giao thông.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Thực hiện công tác thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ trong các dự án đầu tư về xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

b) Ưu tiên các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng liên quan đến quản lý, xử lý chất thải rắn, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Xây dựng tài liệu tuyên truyền về thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với nhận thức của từng lứa tuổi tại các cấp học.

b) lồng ghép việc giảng dạy các kiến thức, kỹ năng của việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn vào các chương trình nội khóa và ngoại khóa, nhằm tạo điều kiện cho học sinh hiểu được ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường, việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và tích cực tham gia.

c) Triển khai, đôn đốc các phòng giáo dục, các trường học, các cơ sở đào tạo có liên quan thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai các kế hoạch, chương trình về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải rắn và các nội dung khác có liên quan.

8. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tăng cường phát hiện tội phạm về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

b) Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến môi trường; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quản lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật.

9. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định hiện hành về quản lý chất thải rắn cho công chức, viên chức, người lao động hoạt động tại khu công nghiệp.

b) Triển khai, đôn đốc thực hiện kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan xây dựng phương án tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

a) Tuyên truyền, vận động các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tích cực thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Giám sát việc thực hiện tại các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

b) Tham gia phản biện, góp ý xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải rắn.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện theo khoản 1 Điều 77, khoản 2 Điều 78 và khoản 2 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; khoản 2 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; điểm đ khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Tổ chức triển khai, hướng dẫn và tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện nghiêm Quy định này và các quy định khác liên quan.

3. Hằng năm, xây dựng và triển khai kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và các chất thải rắn khác của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

4. Quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do Nhà nước đầu tư từ nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, nguồn chi sự nghiệp môi trường và khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

5. Chỉ đạo xây dựng tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phù hợp tình hình thực tế, đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực.

6. Xác định, công bố danh mục vị trí các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; đầu tư nâng cấp hệ thống thu gom chất thải rắn khu vực; bố trí các thiết bị lưu chứa, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân để thu gom, phân loại theo Quy định này.

7. Kiểm tra, tổng hợp các chỉ tiêu về tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa; Sở Xây dựng đối với chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ hầm cầu, bể phốt, bùn từ hệ thống thoát nước thải) kết quả hoạt động quản lý chất thải rắn của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quản lý.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc để xảy ra tình trạng phát sinh chất thải rắn không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn quản lý.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện theo khoản 1, 7 Điều 77, khoản 2 Điều 78 và khoản 3 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; khoản 3 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; điểm h khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải rắn của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tại các tổ dân phố, thôn và các tổ chức tự quản trên địa bàn; định kỳ xây dựng và triển khai kế hoạch tổng vệ sinh môi trường tại địa phương.

3. Chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và đại diện cộng đồng dân cư (tổ trưởng tổ dân phố/trưởng thôn...) xác định thời gian, tần suất, phương thức, địa điểm và tuyến thu gom, vận chuyển của chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, thông báo rộng rãi đến các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải.

4. Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp huyện trong việc lựa chọn và xây dựng các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

5. Chỉ đạo các tổ dân phố, thôn tham gia giữ gìn vệ sinh đường giao thông, nơi công cộng, thực hiện quy chế quản lý chất thải rắn của hộ gia đình, cá nhân và đăng ký thực hiện quy ước, cam kết giữ gìn vệ sinh môi trường.

6. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả hoạt động quản lý chất thải rắn của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

7. Kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền; phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vứt, đổ rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định; trực tiếp xem xét, giải quyết các tranh chấp, phản ánh, kiến nghị có liên quan đến việc cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để giải quyết.

8. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc để xảy ra tình trạng phát sinh chất thải rắn không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn./.